

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – CẦN THƠ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 70/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 08 – 9 – 2025

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thanh Nhanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Kim Mến.

2. Ông Phạm Minh Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Hồng, là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Phan Ngọc Điểm – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2025 tại Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2025 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 68/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Trần Văn B**, sinh ngày 01/01/1975.

Địa chỉ: Ấp H, xã H, thành phố Cần Thơ (địa chỉ cũ: Ấp H, xã H 2, huyện X, tỉnh Sóc Trăng); (Vắng mặt).

- Bị đơn: Bà **Huỳnh Thị T**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp H, xã G, thành phố Cần Thơ (địa chỉ cũ: Ấp H, xã G 1, huyện X, tỉnh Sóc Trăng); (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 12/5/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Văn B trình bày:

Vào năm 1996, ông B và bà T có làm đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Ông, bà chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, do không hợp nhau, bà T không chí thú làm ăn, bài bạc, nên ông, bà không thể sống chung với nhau được nữa. Ông, bà không còn chung sống với nhau từ năm 2018 đến nay. Nay

ông B yêu cầu không công nhận là vợ chồng với bà T.

Về con chung: Ông B với bà T có con chung tên Trần Ru B, sinh năm 1998 và Trần Kim T1, sinh năm 2000, đều đã trưởng thành và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân; nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn: Bà Huỳnh Thị T đã được Tòa án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập tham gia tố tụng, lấy lời khai nhưng bà T đều vắng mặt không lý do, cũng không nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ và văn bản ghi ý kiến của bà đối với yêu cầu khởi kiện của ông B.

3. Ý kiến phát Bêu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn bà Huỳnh Thị T chưa chấp hành và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Có cơ sở chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn, do bị đơn có nơi cư trú tại ấp H, xã G, thành phố Cần Thơ (địa chỉ cũ: Ấp H, xã G 1, huyện X, tỉnh Sóc Trăng), nên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng nay là Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[1.3] Về việc vắng mặt các đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn là ông Trần Văn B có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; bị đơn bà Huỳnh Thị T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ hai lần, nhưng đều vắng mặt không có lý do và không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Việc vắng mặt của các đương sự không gây khó khăn, ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông B và bà T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996, có làm đám cưới và theo Trích lục kết hôn số 98/2025/TLKH-BS ngày 30/7/2025 của Ủy ban nhân dân xã Gia Hoà, thành phố Cần Thơ thì bà Huỳnh Thị T với ông Trần Văn B đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Gia Hoà 2, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng nay là Ủy ban nhân dân xã Gia Hoà, thành phố Cần Thơ số 44 vào ngày 11/8/2008. Tòa án đã thông báo và triệu tập các đương sự tham gia hòa giải, nhưng bà T đều vắng mặt; ông B vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, vì cho rằng ông, bà không còn chung sống với nhau, hôn nhân không còn hạnh phúc nên ông B yêu cầu được ly hôn với bà T. Vì vậy, có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa ông B với bà T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông B theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung, ông B với bà T có các con chung là: Trần Ru B, sinh ngày 29/9/1998 (theo bản sao Trích lục khai sinh số 311/TLKS-BS ngày 03/5/2019 của Ủy ban nhân dân xã Gia Hoà 2, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng) và Trần Kim T1, sinh ngày 16/9/2001 (theo bản sao Trích lục khai sinh số 310/TLKS-BS ngày 03/5/2019 của Ủy ban nhân dân xã Gia Hoà 2, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng); các con đều đã trưởng thành; các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông B là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn B.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn ông Trần Văn B được ly hôn với bị đơn bà Huỳnh Thị T.

1.2. Về con chung tên: Trần Ru B, sinh ngày 29/9/1998 và Trần Kim T1, sinh ngày 16/9/2001 đều đã trưởng thành, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân; các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001721 ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 – Cần Thơ; như vậy, ông B đã nộp xong án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ;
- Phòng T1 hành án dân sự Khu vực 8 – Cần Thơ;
- Ủy ban nhân dân xã Gia Hoà, thành phố Cần Thơ;
- TAND thành phố Cần Thơ (Phòng Giám đốc, Kiểm tra, Thanh tra và T1 hành án);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Thanh Nhanh